ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1764/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 26 tháng 5 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành giao thông và vận tải tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015.

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính.

Căn cứ Quyết định 1915/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 6 năm 2016, Quyết định 416/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 02 năm 2017; Quyết định 810/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 3 năm 2017 về việc công bố thủ tục hành chính.

Căn cứ Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về ban hành quy chế phối hợp công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2911/TTr-SGTVT ngày 23 tháng 5 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện tỉnh Đồng Nai *(nội dung & danh mục đính kèm)*.

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Sở Tư pháp, Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện, Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai Bộ thủ tục

hành chính này tại trụ sở làm việc và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị.

Sở Tư pháp có trách nhiệm in ấn, photo đóng thành quyển Bộ thủ tục hành chính đã được công bố, phát hành đến các đơn vị theo thành phần nơi nhận của quyết định này; cập nhập nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 4. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Sở Tư pháp, Sở Giao thông vận tải cập nhật quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố lên Phần mềm một cửa điện tử (Egov) của tỉnh.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Trung tâm hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp;
- Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông;
- Báo Đồng Nai; Báo Lao động Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai;
- Trung tâm Công báo tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, HCTC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Vĩnh

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

(Ban hành theo Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5... năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

PHẦN I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
A.	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP SỞ**	
I.	**Lĩnh vực đường bộ :**	
1	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp.	1
2	Đổi Giấy phép lái xe mô tô do ngành Công an cấp trước ngày 01/8/1995.	2
3	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01/8/1995.	3
4	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp.	5
5	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài.	6
6	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam.	8
7	Cấp Giấy phép xe tập lái.	9
8	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	10
9	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế	12
10	Cấp lại Giấy phép lái xe	13
11	Cấp mới giấy phép đào tạo lái xe ô tô	14
12	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô	16
13	Cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu.	17
14	Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý.	19

15	Cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng di chuyển đến.	21
16	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất.	23
17	Đổi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị hỏng.	24
18	Cấp giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng có thời hạn.	26
19	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	28
20	Thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo do Sở Giao thông vận tải thực hiện.	29
21	Xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng.	31
22	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng.	33
23	Cấp giấy phép kinh doanh vận tải áp dụng cho Doanh nghiệp, Hợp tác xã.	34
24	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải do thay đổi nội dung của giấy phép.	36
25	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải do hết hạn giấy phép	38
26	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bị mất hoặc hư hỏng	39
27	Thủ tục cấp phù hiệu cho xe nội bộ	41
28	Cấp lại phù hiệu cho xe nội bộ	42
29	Cấp phù hiệu xe trung chuyển	44
30	Cấp lại phù hiệu xe trung chuyển	45
31	Công bố lần đầu Bến xe khách vào khai thác	46
32	Công bố lại Bến xe khách vào khai thác	48
33	Công bố lần đầu Trạm dừng nghỉ đường bộ vào khai thác	49
34	Công bố lại Trạm dừng nghỉ đường bộ vào khai thác	50
35	Cấp phù hiệu xe taxi	52

36	Cấp phù hiệu xe chạy tuyến cố định	53
37	Cấp phù hiệu xe buýt	55
38	Cấp phù hiệu xe hợp đồng	57
39	Cấp phù hiệu xe container	59
40	Cấp phù hiệu xe tải	61
41	Cấp phù hiệu xe đầu kéo	62
42	Cấp biển hiệu xe du lịch	64
43	Cấp giấy phép liên vận Campuchia-Lào-Việt.	66
44	Cấp giấy phép liên vận quốc tế Việt-Lào.	68
45	Cấp giấy phép liên vận Việt-Campuchia	70
46	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.	72
47	Cấp phép thi công xây dựng các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác.	73
48	Gia hạn chấp thuận xây dựng các công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với quốc lộ đang khai thác.	75
49	Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào tỉnh lộ.	76
50	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với tỉnh lộ đang khai thác.	77
51	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công nút giao đấu nối vào tỉnh lộ.	79
52	Gia hạn chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công nút giao đấu nối vào tỉnh lộ.	80
53	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng	81
54	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến tỉnh lộ quản lý.	83

55	Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống tỉnh lộ quản lý.	84
II.	**Lĩnh vực đường thủy nội địa :**	
56	Đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác.	86
57	Đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện đang khai thác.	87
58	Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	89
59	Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu và thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	90
60	Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa đối với trường hợp phương tiện thay đổi tính năng kỹ thuật.	92
61	Đăng ký lại phương tiện đối với trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính khác.	93
62	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.	95
63	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đối với trường hợp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng	97
64	Xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa.	98
65	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	99
66	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	101
67	Công bố cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.	103
68	Công bố lại cảng thủy nội địa (không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài)	104
69	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa	106
70	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa (không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài)	107
71	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi dùng để chở khách và xe ô tô	109
72	Cho ý kiến xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.	110
73	Phương án đảm bảo ATGT trên tuyến đường thủy nội địa địa phương ; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.	112

74	Công bố hạn chế giao thông thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương ; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.	114
75	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam.	116
76	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi dùng để chở hành khách và xe ô tô.	118
77	Chấp thuận vận tải hành khách ngang sông	119
78	Cấp, cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch	121
III.	**Lĩnh vực đường bộ, đường thủy nội địa :**	
79	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình giao thông trên địa bàn tỉnh.	122
80	Thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước.	125
81	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật (BCKTKT) đối với dự án giao thông sử dụng vốn ngân sách sự nghiệp.	128
IV.	**Lĩnh vực Thanh tra :**	
82	Thủ tục tiếp dân.	131
83	Thủ tục xử lý đơn, thư	133
84	Thủ tục giải quyết tố cáo.	134
85	Thủ tục giải quyết khiếu nại (lần đầu)	136
86	Thủ tục giải quyết khiếu nại (lần 2)	138
B.	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**	
1	Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đấu nối vào các tuyến đường huyện, thị, thành phố (gọi chung là cấp huyện).	140
2	Cấp phép thi công, xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường cấp huyện quản lý.	141
3	Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào các tuyến đường cấp huyện quản lý.	143

4	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tuyến đường cấp huyện quản lý.	144
5	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tuyến đường cấp huyện quản lý.	145
6	Gia hạn chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đấu nối vào các tuyến đường cấp huyện quản lý.	147